

Bản án số: **34** /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Sương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Hồ Văn Tài

2. Ông Lữ Quốc Toàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 586/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1985

ĐKTT: Khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Minh V**, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Chị và anh Phạm Minh V tự nguyện kết hôn vào năm 2010 và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Thanh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình chung sống anh chị không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, cuộc sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, xích mích; trước đây anh V còn nghe lời mẹ chồng chì chiết, coi thường xúc phạm chị, có lúc còn đánh đập chị. Mấy năm gần đây anh V có thay đổi nhưng cũng không quan tâm chăm sóc chị. Thời gian qua chị đã cố gắng nhẫn nhịn để các con có cha có mẹ, tuy nhiên, đến nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng ngày càng tệ nhạt, không còn chia sẻ, cảm thông cho nhau được nữa, tình cảm chị dành

cho anh V cũng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Phạm Đăng V1, sinh ngày 12/5/2010; Phạm Đăng K, sinh ngày 15/9/2011. Chị đồng ý giao các con cho anh V nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

- *Bị đơn anh Phạm Minh V trình bày*: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do lúc mới cưới, tuổi còn trẻ nên giữa anh chị có lúc xảy ra va chạm, cãi vã, có lúc gây gổ với nhau; nhưng sau khi đã hiểu về tính cách thì cả hai đã không xảy ra mâu thuẫn nữa. Nay chị Bình yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ và mong muốn được đoàn tụ vợ chồng để cùng chăm sóc con cái, xây dựng gia đình

Về con chung: Trường hợp chị H cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu Phạm Đăng V1 và Phạm Đăng K, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Minh V; Giao cháu Phạm Đăng V1, sinh ngày 12/5/2010; Phạm Đăng K, sinh ngày 15/9/2011 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Phạm Minh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh V tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh V tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Thanh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị H trình bày quá trình chung sống anh chị không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, cuộc sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, xích mích; trước đây anh V còn nghe lời mẹ chồng chì chiết, coi thường xúc phạm chị, có lúc còn đánh đập chị. Mấy năm gần đây anh V có thay đổi nhưng cũng không quan tâm chăm sóc chị. Thời gian qua chị đã cố gắng nhẫn nhịn để các con có cha có mẹ, tuy

nhiên, đến nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng ngày càng tẻ nhạt, không còn chia sẻ, cảm thông cho nhau được nữa, tình cảm chị dành cho anh V cũng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V. Anh V trình bày anh vẫn còn tình cảm với chị B nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh V thừa nhận giữa vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là giai đoạn mới cưới anh chị chưa hiểu nhau nên nhiều lần xảy ra cãi vã, gây gổ, thời gian sau anh chị đã cảm thông cho nhau nên không còn mâu thuẫn nữa, nhưng anh V cũng không đưa ra được lý do thuyết phục để chị H đoàn tụ và tự nguyện chung sống với anh.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Như vậy, chị H và anh V đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Đăng V1, sinh ngày 12/5/2010 và Phạm Đăng K, sinh ngày 15/9/2011, các cháu có nguyện vọng ở với cả cha và mẹ.

Tuy nhiên, do yêu cầu ly hôn của chị H được chấp nhận nên xét điều kiện, hoàn cảnh của chị H, anh V đều đảm bảo để nuôi dưỡng con chung; mặt khác, chị H và anh V thống nhất giao cháu Viễn và cháu K cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, ghi nhận sự thỏa thuận của chị H, anh V về việc nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: tạm thời anh Phạm Minh V không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh V trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H, anh V trình bày anh chị không có nợ chung nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, quy định pháp luật; phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Minh V.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 6, ngày 26/01/2010 do Ủy ban nhân dân phường Xuân Thanh, tHnh phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Đăng V1, sinh ngày 12/5/2010 và cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 15/9/2011 cho anh Phạm Minh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Minh V tạm thời không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản, nhưng không được gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con **của anh Phạm Minh V**.

Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Minh V có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005963 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển tHnh án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Phạm Minh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND **phường, xã, thị trấn**;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Sương